TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **24**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2021.
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Hòa**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Chí**
2. Ông **Dương Văn Xuyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mai Xiêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2021/TLST- HNGĐ ngày 07/4/2021, về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 26/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐHNGĐ-ST ngày 06/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện SS, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Lê Thị L,** sinh 1966; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện SS, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H trình bày:

Ông kết hôn với bà L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội vào ngày 20/3/1986. Do kết hôn đã lâu và thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên ông không tìm được. Trước khi kết hôn hai vợ chồng có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau,

được sự đồng ý của cả hai bên gia đình, ông bà đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, bà Loan về làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian ngắn thì hai vợ chồng ra ở riêng tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, ông đã yêu thương một người phụ nữ khác. Vợ chồng không xảy ra xô xát, nhưng ông nhận thấy không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với bà L. Đến năm 2004, ông bỏ ra khỏi nhà và chuyển về ở tại xã Việt Long, huyện Sóc Sơn nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm hỏi vợ con và khi gia đình có công việc. Kể từ năm 2004 đến nay ông và bà L sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau. Đến nay thời gian sống ly thân đã lâu, mặc dù được gia đình hòa giải nhiều lần để ông về đoàn tụ với bà L nhưng ông nhận thấy không còn tình cảm gì với bà L nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/8/1987 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 26/9/1989. Hiện tại chị L và anh T đã trưởng thành, lao động tự túc được và đã xây dựng gia đình riêng. Chị L lấy chồng và chuyển về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, còn anh T xây dựng gia đình và ở chung cùng với bà L tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến. Các con ông đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Ông không đề nghị Toà án giải quyết.

* Bị đơn bà L trình bày:

Về tình cảm: Bà xác nhận vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến vào năm 1986, do bà làm thất lạc giấy kết hôn nên bà không nhớ chính xác ngày đăng ký. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng gia đình một thời gian ngắn thì ra ở riêng tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2002 thì bà thấy ông H tự bỏ đi khỏi nhà, bà có hỏi thì ông H nói đi làm ăn. Sau đó bà tìm hiểu thì được biết ông H có quan hệ yêu thương với người phụ nữ khác tại xã Việt Long. Đến năm 2004 thì ông H chuyển về ở hẳn về xã Việt Long thỉnh thoảng có về nhà thăm vợ con và khi gia đình có việc. Từ năm 2004 đến nay, ông bà sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau, ông H là người không có trách nhiệm với gia đình đến nay bà cũng không còn tình cảm gì với ông H, ông H làm đơn ly hôn bà không có ý kiến gì và để ông H tự giải quyết.

Về con chung: Bà L xác nhận lời khai của ông H là đúng, các con đã trưởng thành, hiện anh T đã xây dựng gia đình và ở chung cùng với bà tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Bà cũng không đề nghị Toà án giải quyết.

* Anh T trình bày: Hiện anh đã xây dựng gia đình riêng và đang chung sống cùng bà L tại thôn Bắc Thượng. Quá trình chung sống trong gia đình, anh nhận thấy ông H là người không có trách nhiệm với gia đình, đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2004 đến nay, do vậy ông H có đơn yêu cầu ly hôn với bà L về phía anh có ý kiến đồng ý với yêu cầu của ông H vì thời gian ly thân của ông H và bà L đã quá lâu cũng như không còn quan hệ tình cảm gì. Anh cũng không có yêu cầu gì về phần tài sản chung, công sức đóng góp, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp và nợ chung.

Qúa trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cho thấy: Ông H và bà L kết hôn trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn từ năm 1986 tại trụ sở UBND xã Quang Tiến nhưng hiện tại sổ sách đăng ký kết hôn những năm 1985, 1986, 1987 hiện không còn lưu giữ được nên không cung cấp được tài liệu chứng minh việc ông H và bà L đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến vào ngày tháng năm nào. Về quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông H và bà L: Sau khi kết hôn, bà L về làm dâu và sống chung cùng gia đình nhà chồng tại thôn Bắc Thượng, đến năm 2004, vợ chồng ông bà ly thân do ông H có người phụ nữ khác ở bên ngoài, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm. Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà L có 02 con chung là anh T và chị L. Các anh chị đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng. Hiện nay, anh Th đã xây dựng gia đình và ở chung cùng với bà L tại thôn Bắc Thượng, xã Quang Tiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà L vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị L. Các con ông bà đã trưởng thành. Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp,

công sức đóng góp, công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Thôn B, xã Q, huyện SS, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn đã được tống đạt đầy đủ, đúng quy định các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Năm 1986, ông H kết hôn với bà L và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, mặc dù ông bà không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn, UBND xã Quang Tiến không còn lưu được sổ đăng ký kết hôn những năm 1985, 1986, 1987. Nhưng qua xác minh thì đã thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Tiến vào năm 1986 và chung sống với nhau từ đó đến năm 2004 thì ly thân. Ông bà đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và chung sống từ năm 1986, có 02 con vào năm 1987 và 1989, anh T là con trai và UBND xã Quang Tiến cũng xác định việc ông bà chung sống này. Trong sổ hộ khẩu và giấy khai sinh các con ông bà đều thể hiện ông bà có các con chung.

Theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã quy định: Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau: a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy, tuy ông bà không có đăng ký kết hôn và UBND xã Quang Tiến không lưu lại việc kết hôn trong sổ sách, nhưng căn cứ Luật hôn nhân

và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của ông H và bà L là hôn nhân thực tế, cho nên tòa án thừa nhận. Khi ông bà ly hôn thì cũng được tòa án giải quyết như đã kết hôn hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông bà nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp nhau, ông H có quan hệ đã ngoại tình, không chung thủy, ông bà không còn chung sống với nhau đã 17 năm nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Quá trình giải quyết Tòa án có xác minh tại địa phương chỗ bà L sinh sống thì được biết: Ông bà đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ngoại tình. Bản thân ông bà cũng thừa nhận chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2004 đến nay, nay ông bà đều nhận thấy không còn tình cảm gì với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn bà L là phù hợp với các quy định pháp luật.

[3]. Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15//8/1987 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 26/9/1989. Hiện tại cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa: Phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

- Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai số 0004020 ngày 05/4/2021.

5. Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền bản án kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN NGỌC HÒA